

CÔNG TY TNHH TM TÂY NGUYÊN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM TÂY NGUYÊN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TM TAY NGUYEN GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TM TAY NGUYEN GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110034604

3. Ngày thành lập: 17/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 9A, ngõ 20, đường Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988.964.755

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hoạt động của các đấu giá viên)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại pháp luật cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (trừ loại nhà nước cấm)	8220
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không sử dụng chất cháy, nổ)	8230
14.	Dịch vụ đóng gói	8292
15.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
16.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Dạy các môn thể thao, dạy thể dục	8551

17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
18.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao	9311
19.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao nghiệp dư; - Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
20.	Hoạt động thể thao khác (trừ hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó)	9319
21.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)	9321
22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	9329
23.	Lập trình máy vi tính	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
27.	Cổng thông tin (trừ các hoạt động báo chí)	6312
28.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
30.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm	6622
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp luật, tài chính); - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, chứng khoán)	7020
33.	Quảng cáo (trừ quảng cáo loại pháp luật cấm)	7310

34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
36.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ loại pháp luật cấm)	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (trừ loại pháp luật cấm)	1020
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
45.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
46.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
47.	Sản xuất đường	1072
48.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
49.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
50.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
51.	Sản xuất cà phê	1077
52.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
53.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Sản xuất sợi	1311
56.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
57.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
58.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Sản xuất giày, dép	1520
61.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
65.	In ấn (trừ hoạt động liên quan đến báo chí)	1811

66.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm; - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
67.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
68.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
69.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
71.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
72.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
73.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
74.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
75.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
76.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
77.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
78.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
79.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
80.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
81.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
82.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
83.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
84.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
85.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
86.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
87.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
88.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; - Vận chuyển hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự.	4933
89.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Kinh doanh dịch vụ logistics	5229
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự du lịch; - Căn hộ du lịch - Nhà nghỉ du lịch - Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
93.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
94.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp	5629
95.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Kinh doanh viễn thông	6120
96.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
97.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ việc làm (trừ hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
98.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7830(Chính)
99.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
103.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
104.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
105.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
106.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
107.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
108.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất gang tay và hoạt động nhồi bông thú	3290
109.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
110.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
111.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

112.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
113.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
114.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
115.	Xây dựng nhà để ở	4101
116.	Xây dựng nhà không để ở	4102
117.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
118.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
119.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
120.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ THU HIỀN** Giới tính: **Nữ**
 Chức danh: **Giám đốc**
 Sinh ngày: **11/11/1994** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **026194001604**
 Ngày cấp: **22/11/2021** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**
 Địa chỉ thường trú: **904CT1 - C37 - KĐT Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
 Địa chỉ liên lạc: **904CT1 - C37 - KĐT Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội